

THÀNH TỐ CHỈ ĐỘNG VẬT GIẢ TƯỢNG TRONG THÀNH NGỮ VIỆT - NGA - ANH

Huỳnh Công Minh Hùng

Trường Đại học Sư phạm

(Bài nhận ngày 25/06/99)

TÓM TẮT: Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu thành ngữ có thành tố chỉ động vật đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ: ngôn ngữ học và văn hóa học. Tuy nhiên đối với động vật giả tưởng thì việc nghiên cứu còn ít. Trong tiếng Anh chỉ có tác giả Phan Văn Quế nghiên cứu vấn đề này. Trong thành ngữ tiếng Việt và tiếng Nga vấn đề còn đang để ngỏ. Động vật giả tưởng là động vật không có thật, không tồn tại trên thực tế. Có nhiều động vật giả tưởng như ma, quỷ, quái vật, rồng... Trong bài báo này chúng tôi chỉ nghiên cứu ma và quỷ.

Ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt tập trung miêu tả về bên ngoài con người, miêu tả hoạt động của con người, chỉ ra điềm gở. Thành ngữ tiếng Anh chỉ tính cách: tính nghịch, nghịch phá. Thành ngữ tiếng Nga chỉ sự không đồng ý, hoài nghi, ngạc nhiên, mỉa mai...

Chúng tôi so sánh tính biểu trưng và qua đó thấy những nét tương đồng giữa ba nền văn hóa. Nhiều vấn đề thú vị mà chúng tôi chưa đề cập đến, đòi hỏi sự nghiên cứu sâu trong tương lai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Trong vài năm gần đây, việc nghiên cứu thành ngữ có thành tố chỉ động vật đã được nghiên cứu dưới nhiều góc độ. Các nhà nghiên cứu xem xét dưới hai góc độ: ngôn ngữ học và văn hóa học. Ở góc độ ngôn ngữ học chúng ta thấy có nhiều bài nghiên cứu về con vật trong thành ngữ trên tạp chí Ngôn Ngữ, Ngôn ngữ và đời sống. Ở góc độ văn hóa thì có các bài nghiên cứu trên tạp chí Văn hóa dân gian. Đa số các bài nghiên cứu đều viết về các con vật như lợn, chuột, trâu, hổ, mèo v.v... cũng như các luận án thạc sỹ và phó tiến sỹ về hình ảnh động vật trong thành ngữ của Phan Văn Quế, Trịnh Cẩm Lan, Nguyễn Thúy Lan... Nhìn chung, việc nghiên cứu về động vật trong thành ngữ từ mấy năm gần đây là tương đối sâu.

Tuy nhiên đối với động vật giả tưởng thì chúng tôi thấy việc nghiên cứu còn ít. Trong luận án phó tiến sỹ của Phan Văn Quế (1996), tác giả phân loại các động vật trong thành ngữ theo nhiều tiêu chí, nhưng trong đó có có tiêu chí tính hiện thực: gồm con vật thực và con vật giả tưởng. Thí dụ như: quỷ /devil/ [12, trg 62] là động vật giả tưởng, và khi xét đến cơ cấu thành phần của thành tố động vật thành ngữ tiếng Anh thì tác giả chia làm hai mảng: con vật bình thường và không bình thường. Tác giả coi các con vật không bình thường là: quái vật /monster/, ma /ghost/ và quỷ /devil/ [12, trg142]. Tác giả chỉ mới xem xét trong thành ngữ tiếng Anh, còn trong thành ngữ tiếng Việt và tiếng Nga thì hầu như vấn đề còn bị bỏ ngỏ.

Theo chúng tôi động vật giả tưởng là động vật không có thực, không tồn tại trên thực tế, chỉ có trong tưởng tượng và trong các truyền thuyết, cổ tích, truyện kinh dị, viễn tưởng... Có rất nhiều động vật giả tưởng, có thể kể ra đây: ma, quỷ, quái vật, rồng v.v... Động vật giả tưởng còn phụ thuộc vào các yếu tố văn hóa và xã hội.

Trong phạm vi bài báo này, chúng tôi chỉ nghiên cứu đến hai thành tố động vật giả tưởng là ma và quỷ, chúng tôi không xét các từ ghép phái sinh của chúng như: ma quái, quỷ quái, ma quỷ, phantom v.v... vì phạm vi hạn hẹp của một bài báo. Chúng tôi chủ yếu so sánh nghĩa các thành ngữ chứa thành tố ma quỷ giữa ba ngôn ngữ. Chúng tôi không có tham vọng so sánh một cách toàn diện ở ngữ nghĩa và cấu trúc, vì nó đòi hỏi một sự nghiên cứu sâu.

Trước hết chúng ta xem xét khái niệm về thành ngữ. Định nghĩa về thành ngữ có rất nhiều. Nhà ngôn ngữ học N.M.Shanakij xác định thành ngữ dựa theo các tiêu chí như sau: tính cố định về cấu trúc, còn nghĩa thì trọn vẹn. Một nhà ngôn ngữ học Nga khác là V.V.Vinogradov cho rằng có sự tương đồng giữa thành ngữ và từ, tuy vậy các nhà ngôn ngữ học đều nhất trí rằng thành ngữ có một đặc điểm quan trọng là thành ngữ mang nghĩa bóng. Một nhà ngôn ngữ học Nga nghiên cứu về thành ngữ tiếng Anh là A.V.Kunhin cũng coi thành ngữ là cụm từ cố định có nghĩa chuyển hoàn toàn hoặc một phần. Còn hai nhà ngôn ngữ học chuyên nghiên cứu về thành ngữ tiếng Anh là J.Seild và W,Mc.Mordie lại cho rằng kết cấu của thành ngữ có tính bất quy tắc hoặc phi lô gic. Một dẫn chứng cụ thể mà tác giả Phan Văn Quế đưa ra cho thấy như sau: I am good friends with him. Với sự phi logic và bất quy tắc ở dạng thức số nhiều của "friend" và giới từ "with".

Trong sách "Tục ngữ Việt - Nga- Anh" của Lê Đình Bích (1986) và luận án thạc sỹ của Nguyễn Kim Dung (1995) đều có cùng quan điểm với N.M.Shanskij khi chia thành ngữ làm hai loại: thành ngữ định danh và thành ngữ thông báo. Thành ngữ định danh là một diễn đạt cố định mà nghĩa không phải do tổng hợp các nghĩa của thành tố tạo nên nó. Những thành ngữ này mang chức năng định danh và được tái hiện trong quá trình nói năng ở dạng làm sẵn. Thành ngữ thông báo là một diễn đạt cố định mà nghĩa tổng hợp tạo nên nó. Thành ngữ mang chức năng thông báo chứa đựng một phán đoán hay một lời khuyên răn và được tái hiện trong quá trình nói năng ở dạng làm sẵn. Như vậy các ngôn ngữ và cách ngôn lại rơi vào thành ngữ thông báo.

Các nhà ngôn ngữ học Việt Nam cũng thống nhất ở chỗ thành ngữ là "một loại tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái - cấu trúc hoàn chỉnh, bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày" [3, trg5].

Ví dụ : chó cắn ma. Đây là một kết cấu cố định, chúng ta không thể thay đổi bất kỳ một thành tố nào trong thành ngữ vì "sự tái hiện lặp đi lặp lại nhiều lần trong lời nói với những sự di chuyển ngữ nghĩa nhất định, nó đã được người bản ngữ ghi nhận và ưa dùng" [3, trg6]. Tương tự trong tiếng Anh: put/set the cat among the pigeons, tiếng Nga: kot naplakal. Trương Đông San và một số nhà ngôn ngữ học coi thành ngữ có nghĩa bóng và nghĩa đen. Nhưng theo chúng tôi nếu nhìn nhân thành ngữ như một đơn vị định

danh thì trong thành ngữ có sự liên tưởng theo những mối quan hệ khác nhau, mà các nhà ngôn ngữ học gọi quá trình này là quá trình biểu trưng hóa.

Chúng tôi dựa trên quan điểm của N.M.Shanskij tức là các thành ngữ mà chúng tôi nghiên cứu trong phạm vi bài báo này là thành ngữ định danh có thành tố chỉ động vật giả tưởng và giới hạn trong hai thành tố ma và quỷ.

2. THÀNH NGỮ CÓ THÀNH TỐ CHỈ MA – QUỶ:

2.1.SỐ LƯỢNG THỐNG KÊ:

Hiện nay có khá nhiều từ điển về thành ngữ (Việt-Anh-Nga). Để thực hiện việc thống kê chúng tôi chọn ra ba từ điển đang được sử dụng nhiều, đó là từ điển thành ngữ Việt Nam (Nguyễn Như Ý chủ biên, NXB Văn Hóa 1993) [14], từ điển thành ngữ tiếng Anh (1993) [11] và từ điển thành ngữ tiếng Nga (1987)[7]. Qua ba từ điển này chúng tôi thống kê như sau:

Bảng số 1

Tổng số thành ngữ	84	Tỷ lệ (%)
Tiếng Việt	37	44,04%
Tiếng Anh	13	15,05%
Tiếng Nga	34	41,9%

Chúng tôi cho rằng những con số nêu trong bảng số một vẫn nêu một cách chưa đầy đủ về số lượng các thành ngữ có thành tố ma quỷ trong ba ngôn ngữ, vì chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát hết trong các từ điển. Tuy nhiên nhận xét bước đầu của chúng tôi là số lượng thành ngữ có thành tố ma quỷ trong tiếng Việt lại vượt trội so với tiếng Anh và tiếng Nga. Điều này cũng dễ nhận thấy qua tổng số thành ngữ trong ba từ điển: 8000 thành ngữ tiếng Việt. 5500 thành ngữ tiếng Anh và 4000 thành ngữ tiếng Nga. Nếu so với tổng số thành ngữ của từ điển thì số lượng thành ngữ có thành tố ma quỷ còn rất ít, nhưng thật ra tương quan với thành ngữ có thành tố chỉ động vật khác thì lại nhiều hơn. So sánh với thành ngữ chỉ chó và mèo thì rất rõ. Trong bài báo của chúng tôi [6, trg 250], số lượng thành ngữ có thành tố chỉ chó trong tiếng Việt-Nga-Anh là 18-4-5, mèo là 9-2-5.

Điều đáng lưu ý là trong kho tàng thành ngữ tiếng Việt thì thành ngữ so sánh chiếm tỷ lệ đáng kể, có tần số sử dụng cao [10, trg 1-5]. Trương Đông San coi thành ngữ so sánh là "lối nói tỷ dụ, cách nói ưa thích và rất phổ biến trong lời ăn tiếng nói củ nhân dân ta". Theo chúng tôi còn có một nguyên nhân nữa đó là cách trực tiếp và nhanh nhất tạo nghĩa thành ngữ. Ví dụ như: xấu như ma, lấm như ma vùi... Trong số 37 thành ngữ tiếng Việt chỉ ma quỷ thì có 10 thành ngữ so sánh chiếm tỷ lệ 27.9%.

2.2.NGŨ NGHĨA CỦA THÀNH NGỮ:

2.2.1. NGŨ NGHĨA CỦA THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT:

Qua khảo sát thành ngữ tiếng Việt, chúng tôi thấy đa số thành ngữ tập trung miêu tả vẻ bên ngoài của con người, vẻ bên ngoài xấu xí, chẳng ra hình dạng gì *xấu như ma, xấu*

như ma lem, xấu như ma mút, xấu như quỷ, ma chê quỷ hờn, chông ma vợ quỷ /, về bản thủ, tồi tàn /bản như ma lem, lấm như ma vùi, quỷ tha ma bắt.../

Không chỉ miêu tả về xấu xí, bản thủ, tồi tàn mà các thành ngữ tiếng Việt còn miêu tả các vẻ bề ngoài khác. Đó là vẻ nói năng: nói năng gắt gỏng, đanh , lạnh lùng /*cấm cần như chó cắn ma*/. Vẻ lông bông : người lông bông, chờ chực làm việc xấu xa /*ma cấy gạo, cú cáo cấy dề*/. Vẻ dọa nạt: người cũ cậy quen biết nhiều mà bắt nạt, dọa dẫm người mới đến, chưa hiểu biết gì /*ma cũ bắt nạt ma mới*/, người mới đến lại lên mặt dạy hoặc dọa dẫm người ở lâu /*ma mới bắt nạt ma cũ*/. Vẻ nhanh nhạy: hành động nhanh nhạy, tài tình như có phép biến hóa thần thông /*xuất quỷ nhập thần*/. Vẻ phá phách: nghịch ngợm, quá phá đi /*quỷ sứ nhà trời*/.

Thành ngữ tiếng Việt còn miêu tả các hoạt động của con người như làm việc một cách kín đáo, vụng trộm khéo léo đến mức không để lại dấu vết gì, ví như theo mê tín ma đã ăn rồi mà mâm cỗ vẫn còn nguyên lành /*ma ăn cỗ*/. Những mưu ma, mưu mô thâm độc nhất /*chước quỷ mưu ma*/. Kẻ xấu đã nhúng tay vào việc gì thì gây tai hại đau thương /*cú kêu ma rai*/. Vội vàng tất bật, đứng ngồi không yên /*lật đật như ma vật ông vải*/. Chết hoặc mất bên đi đâu, không vớt vát được gì /*đi đời nhà ma*/.

Thành ngữ tiếng Việt còn nêu lên điềm báo gỡ rất xấu, có người chết /*cú kêu ma rai*/, chỉ ra địa điểm là nơi rừng sâu, khí hậu độc dễ mắc bệnh, dễ ốm đau chết chóc /*ma thiêng nước độc*/.

Ngoài ra còn chỉ tình thế khó khăn, bí bách, không tháo gỡ được /*ma hờn quỷ áml*/, tổ chức ma chay, giỗ chạp linh đình , sang trọng /*ma to giỗ lớn*/.

2.2.2. NGỮ NGHĨA CỦA THÀNH NGỮ TIẾNG ANH:

Thành ngữ tiếng Anh chỉ tính cách con người như luôn nghịch phá, tinh nghịch /*full of the devil*/. Chỉ hành động của con người như thái độ bình tĩnh, thản thờ /*devil may care attitude, devil may care manner*/, đối mặt với việc chọn lựa hai hành động mà cả hai đều nguy hiểm, tiến thoái lưỡng nan /*between the devil and the deep blue sea*/, đi khỏi và chấm dứt làm phiền /*go to the devil* /, nhắc đến tên ai thì người đó xuất hiện liền /*speak of the devil*/, chết /*give up the ghost*/, nhiệm vụ rất khó khăn /*devil of a job and devil's own job*/.

2.2.3. NGỮ NGHĨA CỦA THÀNH NGỮ TIẾNG NGA:

Hành động của con người như không đồng ý, phản đối kịch liệt, phủ định, lấy làm tiếc /*koj chert, chert dernul, chert dernul menhja za jazyk, cherta ljuxovo, cherta s dva.../*, hoài nghi, đa nghi, mỉa mai /*dlja kakovo cherta, cherta lji, kakovo djavolal*/, rất mạnh mẽ /*kak chert ladanal*/, dùng hết sức để giải cứu, cứu thoát /*kak chert ot ladanal*/, bản khoán thác mắc /*chto za chertl*/.

Ngoài ra thành ngữ tiếng Nga còn chỉ số lượng như không có ai cả /*nhì odin chert, sam chert nhe razberet, chert nhe bratl* không có gì cả /*nhì chertal*/. Một điểm đặc biệt khác với

thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt là thành ngữ tiếng Nga còn có nghĩa chỉ sự ngạc nhiên, cảm thán như: khỉ thật! /*tfu chert!*, cái gì vậy, khỉ thế! /*na chert!*, và thậm chí chỉ luôn cá ông trời nữa /*chert evo znajet!*.

Chúng ta có bảng số 2 so sánh về mặt ngữ nghĩa:

	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Nga
Miêu tả về bên ngoài của con người	+		
Miêu tả tính cách nội tâm	+	+	+
Số lượng	+		+

Dấu + cho thấy có nghĩa trong thành ngữ. Riêng ở nghĩa nêu “số lượng” thì ở tiếng Việt và Nga đều là “không có gì”.

2.2.4. NGHĨA BIỂU TRUNG:

Tác giả Bùi Khắc Việt trong bài báo “ Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt” [1, trg 1- 6] đã nêu rõ tính biểu trưng của thành ngữ thể hiện ở chỗ: hình ảnh hoặc sự việc hoặc sự vật cụ thể miêu tả trong thành ngữ là nhằm nói về những ý niệm khái quát hóa. Tính biểu trưng của hình ảnh , của sự việc miêu tả trong thành ngữ hoặc của từ trong thành ngữ ở những mức độ khác nhau có liên quan đến các hiện tượng trong đời sống xã hội, trong lịch sử, phong tục tập quán, tín ngưỡng của nhân dân.

Chúng tôi đồng ý kiến với Bùi Khắc Việt về sự khác nhau giữa tính biểu trưng và tính hình ảnh. Bùi Khắc Việt cho rằng “Khái niệm tính biểu trưng rộng hơn khái niệm tính hình ảnh. Do sự vật hoặc tính hình ảnh có một số phẩm chất nào đó chung với điều nó biểu trưng gọi cho ta một ý niệm về nội dung biểu hiện. Mối quan hệ giữa sự vật, hoặc hình ảnh với ý nghĩa biểu trưng trong nhiều trường hợp có tính chất ước lệ.” [1, trg 1]

Tác giả còn phân ra hai loại thành ngữ đó là thành ngữ biểu trưng hóa toàn bộ /*giẫm chân tại chỗ, bật đèn xanh...*/ và thành ngữ biểu trưng hóa bộ phận. [1, trg 2]

Xét trong thành ngữ tiếng Việt thì thành tố chỉ ma quỷ biểu trưng cho sự xấu xa, tồi tàn nhất. Do đó cho dù nghĩa của thành ngữ tiếng Việt có miêu tả về bên ngoài của con người hay hành động của con người vẫn bị nghĩa biểu trưng chi phối mang sắc thái xấu xa. Điều này cũng dễ hiểu vì ma trong tiếng Việt có nghĩa là:

1. sự hiện hình của người chết, theo mê tín

2. Người bất kỳ

[8, trg 582]

Quỷ : 1. Con vật tưởng tượng dưới âm phủ, hình thù kỳ dị và dữ tợn hay hiện hình quấy nhiễu và làm hại người, theo mê tín

2 (...)

3. Kể tình nghịch, quái ác, hay quấy phá. [8, trg 75]

Ngoài ra nghĩa biểu trưng khác trong các thành ngữ cụ thể như nghĩa biểu trưng chỉ người “khuất mặt khuất mày”, nghĩa này thể hiện trong các thành ngữ: ma cây gạo, cu cáo cây đề, ma ăn cỗ... cho đến người “hiện hữu” trong thành ngữ : ma cũ bắt nạt ma mới, ma mới bắt nạt ma cũ...Thành tố ma trong các thành ngữ này biểu trưng cho những con người bằng xương bằng thịt chứ không phải vô hình nữa.

Trong tiếng Anh khái niệm “ma” có rộng hơn. Người Anh quan niệm “oan hồn” của động vật đều là ma, người bị ốm nặng cũng là ma. Từ khái niệm “ma” họ đưa vào trong khoa học kỹ thuật để chỉ các hiện tượng như chồng hình là “ma”, tức hiện tượng “bóng ma” trên TV [4, trg 342]. Ngược lại trong tiếng Việt, trong tiếng Anh coi quỷ là người hay nghịch phá, láu cá hoặc đơn thuần để chỉ người. Do đó nghĩa biểu trưng trong thành ngữ tiếng Anh đều chỉ con người hiện hữu: devil may care, devil may care manner...Tuy là giả tưởng, nhưng trong văn hóa Anh thì ma quỷ là một cái gì đó rất “hiện hữu”.

Trong tiếng Nga khái niệm ma quỷ được biểu trưng trong các tôn giáo [9, trg 419], là thế lực xấu xa chống lại chúa, và tương tự như trong tiếng Anh cũng để chỉ người “hiện hữu”.

Chúng ta có bảng số 3 so sánh nghĩa biểu trưng:

	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Nga
Xấu xa, tồi tàn	+		
“Người khuất mặt khuất mày”	+		
Người hiện hữu	+	+	+

3.KẾT LUẬN:

Trong giới hạn của một bài báo, chúng tôi chỉ mới miêu tả ngữ nghĩa của thành ngữ, để thấy được nét tương đồng và khác biệt giữa ba ngôn ngữ. Còn nhiều vấn đề khá thú vị mà chúng tôi chưa đề cập đến, chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nghiên cứu sâu hơn trong những bài báo khác.

UNREAL ANIMALS COMPONENT IN VIETNAMESE, ENGLISH AND RUSSIAN IDIOMS

Huynh Cong Minh Hung

ABSTRACT : *In the lastest years researching idioms with animals components has been taken from different points of views as linguistics and culturology. However , researching idioms with unreal animals components has been little, almost nothing. In English language only author Phan Van Que researches idioms with animal components, and in Vietnamese and Russian languages this problem is almost open.*

Unreal animals has no existence in reality. There are a lot of unreal animals such as ghost, devil, monster, dragon etc. In this paper we only research two unreal animals images of idioms as ghost and devil.

Vietnamese idioms meanings concentrate on describing man's appearance as ugly, dirty ones. Besides they concentrate on describing man's activities that indicate evil omens, far place and deep forest, poisonous climate.

English idioms meanings indicate man's characters as always making mischief, as very casual carefree attitude, a different task.

Russian idioms meanings indicate disagreement, doubt, being ironical, surprise... We compare their symbolization and find the similar features between the three cultures of Vietnam, England and Russia. When we touch upon two unreal images of ghost and devil, there are a lot of interesting problems, allowed to continue researching all-sidedly the rest unreal animals components./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Khắc Việt. Về tính biểu trưng của thành ngữ trong tiếng Việt. Ngôn Ngữ. Số 1. 1-6. (1978)
- [2] Lương Duyên. Hình ảnh con vật trong từ ngữ dân gian. Ngôn ngữ và đời sống. Số 5. 5-6. (1996).
- [3] Hoàng Văn Hành. Kể chuyện thành ngữ tục ngữ. NXB Khoa Học Xã Hội. (1988).
- [4] Koyce M.Hawkins. The Oxford reference dictionary. OUP. (1992).
- [5] Trần Thị Lan. Thành ngữ Nga Việt nhận xét đánh giá con người từ góc độ ngữ nghĩa và hình ảnh. Ngữ học trẻ. 192-194.(1997)
- [6] Huỳnh Công Minh Hùng. Thành tố chỉ chó và mèo trong thành ngữ tiếng Việt – Nga-Anh. Kỷ yếu khoa học. Hội nghị NCS ngữ văn ĐHSPTPHCM. 249-245. (1999).
- [7] Molotkov A.N. Phrazeologhicheskij slovar' russkovo jazuka. Moskva. (1978).
- [8] Hoàng Phê. Từ điển tiếng Việt. NXB Đà Nẵng. (1997)
- [9] Prokhorov A.M. Enkxiklopedicheskij sovetxkji slovar'. Moskva. (1986).
- [10] Trương Đông San. Thành ngữ so sánh trong tiếng Việt. Ngôn ngữ. Số 1. 4-5.(1974).
- [11] Richard A.Spears, Betty Kirpatrick. NTC'S English Idioms dictionary. NTC publishing house. Illinois. (1993).
- [12] Phan Văn Quế. Ngữ nghĩa của thành ngữ tục ngữ tiếng Anh (trong sự so sánh đối chiếu với tiếng Việt). Luận án PTS.(1996).
- [13] Phan Văn Quế. Yếu tố văn hóa của các từ ngữ chỉ động vật trong thành ngữ tục ngữ tiếng Anh. Ngữ học trẻ. 192-194. (1997).
- [14] Nguyễn Như Ý. Từ điển thành ngữ Việt Nam. NXB Văn Hóa. (1993).